

Bản án số: 22/2017/DS-ST

Ngày 13-9-2017

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Lý.

2. Ông Bùi Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ngọc Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 13-9-2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2017/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngô Việt T, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Chòm Xoài, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ngô Thị N, sinh năm 1975.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Văn C (chồng chị N), sinh năm 1972.

Chị N anh C cùng HKTT: Ấp Bắc Trang 2, xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Chỗ ở hiện nay: Ấp Chòm Xoài, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18-7-2013, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Ngô Việt T trình bày: Vì là chỗ anh em ruột giữa ông T với chị N nên vào ngày 13-9-2009 ông T có cho chị N và anh C mượn 11 cây vàng 24kara 9T8 (có viết biên nhận), số vàng này là của ông T cầm cố 11 công đất ruộng và đồng thời có thỏa thuận anh C và chị N phải có nghĩa vụ trả tiền thuê diện tích đất trên mỗi năm là 22.000.000đồng cho ông T, mục đích là để anh C chị N mua đất ruộng. Hợp đồng cầm cố đất đã đến hạn nhưng anh C, chị N không trả lại số vàng trên mà anh C, chị N chỉ trả được 44.000.000đồng. Do đó, vào ngày 18-7-2013 ông T làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng yêu cầu chị Ngô Thị N trả 110 chỉ vàng 24kara 9T8 và 44.000.000đồng tiền thuê mượn đất còn lại.

Ngày 30-8-2013, tại phiên hòa giải ông T chỉ yêu cầu một mình chị Ngô Thị N trả 110 chỉ vàng 24kara 9T8 và 44.000.000đồng tiền thuê mượn đất, không yêu cầu tính lãi. Chị Ngô Thị N đồng ý.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30-8-2013, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 106/2013/QĐST-DS ngày 09-9-2013.

Trong quá trình thi hành án do tài sản của anh C không được thi hành để đảm bảo trả nợ cho ông T, nên ông T, chị N làm đơn khiếu nại yêu cầu Giám đốc thẩm đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên. Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh Quyết định giám đốc thẩm hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 106/2013/QĐST-DS ngày 09-9-2013 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định.

Theo lời trình bày của ông T trong đơn khởi kiện và tại các phiên hòa giải ngày 30-8-2013 và ngày 04-5-2017 thì ông T yêu cầu chị N và anh C trả tiền thuê đất 44.000.000đồng. Đến ngày 17-7-2017, ông T trình bày số tiền thuê đất

44.000.000đồng mà ông yêu cầu không phải là tiền thuê đất mà là tiền ông T cho chị N, anh C vay nhưng không có làm giấy tay.

Nay, ông T yêu cầu ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông T với chị N và anh C cụ thể như sau: Chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C liên đới trả 110 chỉ vàng 24kara 9T8 và 44.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi và thống nhất giá vàng 24kara 9T8 tại thời điểm hiện nay là 3.360.000đồng/1chỉ.

- Lời trình bày của bị đơn là Ngô Thị N có trong hồ sơ vụ án như sau: Qua lời trình bày của ông T thì chị N thống nhất. Chị N thừa nhận cùng anh C có vay và còn nợ ông T 110 chỉ vàng 24kara 9T8 theo biên nhận ngày 13-9-2009, đối với số tiền 44.000.000đồng mà ông T yêu cầu thì chị N thống nhất đây không phải là tiền thuê đất mà là tiền vay, nay ông Ngô Việt T yêu cầu thì chị N và anh C thống nhất liên đới trả.

Đồng thời chị N thống nhất khấu trừ số tiền 4.950.000đồng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0009125 ngày 13-3-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án này và thống nhất giá vàng 24kara 9T8 tại thời điểm hiện nay là 3.360.000đồng/1chỉ. Ngoài ra, chị N yêu cầu số tài sản của vợ chồng chị N mà Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tân Hồng đã thi hành phải trả lại cho chị N để chị N bán trả đều cho các chủ nợ.

- Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn C có trong hồ sơ vụ án như sau: Thống nhất lời trình bày của chị Ngô Thị N. Anh Lê Văn C đồng ý cùng chị Ngô Thị N liên đới trả nợ 110 chỉ vàng 24kara 9T8 cho ông T theo biên nhận ngày 13-9-2009 và 44.000.000đồng. Nhưng anh yêu cầu số tài sản của vợ chồng anh C mà Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tân Hồng đã thi hành phải trả lại cho vợ chồng anh C, để vợ chồng anh C bán trả đều cho các chủ nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Bị đơn Ngô Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị N và anh C là đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, phù hợp với sự tự nguyện của bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm bị đơn Ngô Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn C đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ngô Thị N và Lê Văn C là đúng theo quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của ông Ngô Việt T về việc yêu cầu chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C phải liên đới trả 110 chỉ vàng 24kara 9T8 và 44.000.000đồng, không tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào biên nhận ngày 13-9-2009, anh Lê Văn C và chị Ngô Thị N có vay của ông Ngô Việt T 110 chỉ vàng 24kara 9T8, biên nhận không thể hiện thời hạn vay và lãi suất, biên nhận do anh C và chị N trực tiếp ký nhận, tuy nội dung là mượn nhưng thật sự là vay tài sản, anh C và chị N cũng thừa nhận việc này, riêng số tiền 44.000.000đồng mà ông T cho rằng đây là số tiền vay không phải tiền cho thuê đất và anh C, chị N đều thừa nhận, cho thấy biên nhận trên và các bên thống nhất số tiền vay là có thật và được hai bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ nhận định trên, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Việt T. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông T với chị N và anh C cụ thể: Chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C đồng ý liên đới trả cho ông Ngô Việt T 110 chỉ vàng 24kara 9T8 và 44.000.000đồng (bốn mươi bốn triệu đồng), không tính lãi.

Đối với ý kiến của chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C về việc yêu cầu số tài sản của vợ chồng anh C và chị N mà Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tân Hồng đã thi hành phải trả lại cho anh, chị để anh, chị bán trả đều cho các chủ nợ. Hội đồng xét xử xét thấy nội dung yêu cầu của anh C, chị N không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 30-8-2013 bị đơn Ngô Thị N đã nộp đơn xin miễn một phần tiền án phí dân sự (kèm theo đơn là đơn xin xác nhận gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được UBND xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xác nhận vào ngày 28-8-2013). Ngày 13-3-2017, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý sơ thẩm lại theo Quyết định giám đốc thẩm số: 145/2016/DS-GĐT ngày 09-8-2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 13-7-2017, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng yêu cầu chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C nộp đơn xác nhận lại hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nhưng anh C, chị N không nộp, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, mà cho rằng tùy Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết miễn, giảm án phí dân sự sơ thẩm cho anh C, chị N.

Ngoài ra, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giá vàng 24 kara 9T8 giữa ông Ngô Việt T, anh Lê Văn C và chị Ngô Thị N là 3.360.000đồng/01chỉ.

Do chấp nhận yêu cầu của ông T nên anh C và chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.544.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí 4.950.000đồng mà chị Ngô Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0009125 ngày 13-3-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Vậy, chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C còn phải liên đới chịu 15.594.000đồng (mười lăm triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo quy định tại Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 357 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Ngô Việt T với chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C cụ thể như sau: Chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C đồng ý liên đới trả cho ông Ngô Việt T 110 chỉ vàng 24kara 9T8 và 44.000.000đồng, không tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.544.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí 4.950.000đồng mà chị Ngô Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0009125 ngày 13-3-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Vậy, chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C còn phải liên đới chịu 15.594.000đồng (mười lăm triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Ông Ngô Việt T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông T 10.140.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: BN/2013: 03397, ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng.

Đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 13-9-2017). Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Cư